NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Số: 7718/TB-BIDV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2021

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
Digitally signed by NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=HOÀN KIẾM, CN=NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100150619
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2021-12-30 11:36:50
Foxit Reader Version: 9.4.1

THÔNG BÁO

Chào bán trái phiếu ra công chúng

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 226/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 10 năm 2021 và Quyết định số 917/QĐ-UBCK ngày 29/12/2021)

I. Giới thiệu về Tổ Chức Phát Hành:

1. Tên Tổ chức phát hành: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).
2. Tên viết tắt: BIDV.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
4. Điện thoại: (84.24) 22200588 Fax: (84.24) 22200399

   Website: https://www.bidv.com.vn
5. Vốn điều lệ: 40.220.180.400.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi nghìn hai trăm hai mươi tỷ một trăm tám mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).
6. Mã cổ phiếu: BID
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số hiệu tài khoản: 111929.
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/04/1993, cấp thay đổi lần thứ 26 ngày 06/10/2021.

- Ngành nghề kinh doanh chính: BIDV được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã ngành 6419 (chính)) và Điều lệ hoạt động.
- Sản phẩm/dịch vụ chính: Phụ lục 1 (đính kèm)

9. Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN ngày 23 tháng 04 năm 2012, đã được cấp sửa đổi theo Quyết định số 2021/QĐ-NHNN ngày 13/10/2015, Quyết định số 2266/QĐ-NHNN ngày 27/10/2017, Quyết định số 842/QĐ-NHNN ngày 20/4/2018, Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 30/5/2018 và Quyết định số 103/QĐ-NHNN ngày 21/01/2020.

II. Mục đích chào bán

BIDV phát hành trái phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động của ngân hàng, tạo thêm kênh thu hút vốn trung và dài hạn để đáp ứng nhu cầu đầu tư đa dạng của khách hàng, đảm bảo sự bền vững nguồn vốn của ngân hàng.

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu được Tổ chức phát hành sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động cho Tổ chức phát hành và thực hiện cho vay nền kinh tế đối với các ngành nghề dự kiến như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Tên ngành	Kế hoạch sử dụng vốn	Tiến độ sử dụng vốn Đợt 1
	Đợt 1	**5.000**	
1	Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, sản xuất điện năng khác	2.500	Quý I/2022 – Quý III/2022
2	Công nghiệp, thương mại công nghiệp	500	
3	Lĩnh vực khác	2.000	
	Đợt 2	**4.000**	
1	Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, sản xuất điện năng khác	2.000	Quý II/2022 – Quý IV/2022
2	Công nghiệp, thương mại công nghiệp	500	
3	Lĩnh vực khác	1.500	
Tổng cộng		**9.000**	

III. Phương án chào bán:

A. Thông tin chung về các đợt chào bán

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("Tổ chức phát hành") đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 226/GCN-UBCK ngày 05/10/2021 và Quyết định số 917/QĐ-UBCK ngày 29/12/2021, thông tin cụ thể như sau:

1. Loại trái phiếu : Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản bảo đảm

2. Mệnh giá: : 100.000 *(một trăm nghìn)* đồng/trái phiếu.

3. Tổng số lượng trái phiếu chào bán ra công chúng : Tổng cộng 90.000.000 (Chín mươi triệu) trái phiếu, được phát hành trong 2 (hai) đợt, cụ thể như sau:

Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn	Số lượng Trái Phiếu dự kiến chào bán	Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá
Trái Phiếu chào bán ra công chúng Đợt 1			

Mã Trái Phiếu	Kỳ hạn	Số lượng Trái Phiếu dự kiến chào bán	Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá
BIDL2128002C	07 năm	30.000.000 (Ba mươi triệu)	3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng)
BIDL2129003C	08 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng)
BIDL2131004C	10 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 (Một nghìn tỷ đồng)
Tổng cộng		**50.000.000 (Năm mươi triệu)**	**5.000.000.000.000 VND (Năm nghìn tỷ đồng)**
Trái Phiếu chào bán ra công chúng Đợt 2			
BIDL2128005C	07 năm	25.000.000 (Hai mươi lăm triệu)	2.500.000.000.000 (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng)
BIDL2129006C	08 năm	10.000.000 (Mười triệu)	1.000.000.000.000 (Một nghìn tỷ đồng)
BIDL2131007C	10 năm	5.000.000 (Năm triệu)	500.000.000.000 (Năm trăm tỷ đồng)
Tổng cộng		**40.000.000 (Bốn mươi triệu)**	**4.000.000.000.000 VND (Bốn nghìn tỷ đồng)**

B. Thông tin về trái phiếu chào bán ra công chúng Đợt 1

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2021.
2. Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản bảo đảm.
3. Mã Trái Phiếu (Đợt 1):
   - Trái Phiếu kỳ hạn 7 năm: BIDL2128002C
   - Trái Phiếu kỳ hạn 8 năm: BIDL2128003C
   - Trái Phiếu kỳ hạn 10 năm: BIDL2131004C
4. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 *(một trăm nghìn)* đồng/trái phiếu.
5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán Đợt 1:

STT	Mã trái phiếu	Số lượng trái phiếu chào bán
1	BIDL2128002C	30.000.000 (Ba mươi triệu)
2	BIDL2129003C	10.000.000 (Mười triệu)
3	BIDL2131004C	10.000.000 (Mười triệu)
Tổng cộng		**50.000.000 (Năm mươi triệu)**

6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 5.000.000.000.000 đồng *(bằng chữ: Năm nghìn tỷ đồng).*

STT	Mã trái phiếu	Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá (VND)
1	BIDL2128002C	3.000.000.000.000 (Ba nghìn tỷ)
2	BIDL2129003C	1.000.000.000.000 (Một nghìn tỷ)
3	BIDL2131004C	1.000.000.000.000 (Một nghìn tỷ)
Tổng cộng		**5.000.000.000.000 (Năm nghìn tỷ)**

7. Kỳ hạn trái phiếu:

STT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn
1	BIDL2128002C	7 năm
2	BIDL2129003C	8 năm
3	BIDL2131004C	10 năm

8. Lãi suất: Lãi suất của trái phiếu là lãi suất thả nổi, được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm) và được xác định theo công thức sau:

STT	Mã trái phiếu	Lãi suất áp dụng
1	BIDL2128002C	Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 0,5% (*không phẩy năm phần trăm*)/năm
2	BIDL2129003C	Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 0,9% (*không phẩy chín phần trăm*)/năm
3	BIDL2131004C	Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 1,0% (*một phần trăm*)/năm

+ Ngày xác định lãi suất là ngày phát hành đối với kỳ tính lãi đầu tiên hoặc ngày làm việc thứ 7 trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi đối với các kỳ tính lãi tiếp theo.

+ Kỳ tính lãi của trái phiếu là khoảng thời gian để xác định lại lãi suất của trái phiếu, định kỳ 01 (một) năm một lần kể từ ngày phát hành.

+ Nếu Tổ chức phát hành không mua lại trái phiếu vào ngày thực hiện quyền mua lại, lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho các kỳ tính lãi từ năm thứ 06 (sáu) cho đến khi trái phiếu đáo hạn sẽ được tính như sau:

STT	Mã trái phiếu	Lãi suất áp dụng
1	BIDL2128002C	Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 3,0% *(ba phần trăm)*/năm

2	BIDL2129003C	Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 2,57% *(hai phẩy năm mươi bảy phần trăm)*/năm
3	BIDL2131004C	Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 2,0% *(hai phần trăm)*/năm

9. Kỳ trả lãi: định kỳ 01 (một) năm một lần kể từ ngày phát hành.

10. Giá chào bán: 100.000 đồng/trái phiếu.

11. Phương thức phân phối: trái phiếu được phân phối trực tiếp cho nhà đầu tư tại các chi nhánh/phòng giao dịch trên toàn quốc và trụ sở chính của Tổ chức phát hành.

12. Số lượng đăng ký mua tối thiểu:

STT	Mã trái phiếu	Số lượng đăng ký mua tối thiểu
1	BIDL2128002C	500 trái phiếu tương ứng tối thiểu đặt mua 50.000.000 VND
2	BIDL2129003C	300 trái phiếu tương ứng tối thiểu đặt mua 30.000.000 VND
3	BIDL2131004C	100 trái phiếu tương ứng tối thiểu đặt mua 10.000.000 VND

13. Thời gian nhận đăng ký mua: từ ngày 29/12/2021 đến 11h sáng ngày 24/01/2022

14. Địa điểm nhận đăng ký mua trái phiếu:

- Trụ sở chính của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- Các Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chi tiết địa diểm nhận đăng ký mua trái phiếu được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: http://www.bidv.com.vn/

15. Thời gian nhận tiền mua trái phiếu: từ ngày 29/12/2021 đến 11h sáng ngày 24/01/2022

16. Ngày phát hành dự kiến: 25/01/2022

17. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu:

Tên chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Số tài khoản: 125.0000.87243

Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm

18. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:

Bản Cáo Bạch và các tài liệu liên quan khác được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty CP Chứng khoán HSC: https://www.bidv.com.vn và https://www.hsc.com.vn

IV. Các tổ chức liên quan

1. **TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính : Lầu 5&6, tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 3823 3299/(84.28) 3829 3826 Fax: (84.28) 3823 3301

Website : www.hsc.com.vn

2. **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 62883568 Fax: (84.24) 62885678

3. **ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:**

Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính : Lầu 5&6 Tòa nhà AB, số 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 38233299 Fax: (84.28) 238233301

Nơi nhận (b):
- Như đề gửi;
- HĐQT, Tổng Giám đốc (để b/c);
- PTGĐ Nguyễn Thiên Hoàng (để p/h c/đ);
- Ban ALCO, TTDVKH, CTCK HSC (để p/h t/h);
- Lưu: VT, Ban KDV&TT.

TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100150619 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Trần Long

PHỤ LỤC 1

Các ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của BIDV

(Theo Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN ngày 23 tháng 04 năm 2012 và các quyết định sửa đổi)

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của pháp luật.

3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế;

e) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế;

c) Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của pháp luật.

7. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

8. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

9. Mở tài khoản:

a) Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác;

c) Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

10. Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán:

a) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;

b) Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

11. Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật.

12. Tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

13a. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

13b. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.

14. Được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

15. Các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại:

a) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;

c) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

d) Cung cấp dịch vụ môi giới tiền tệ;

đ) Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định của pháp luật.

16. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

17. Hoạt động mua nợ.

18. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.